

**CÔNG TY TNHH MEKATECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MEKATECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MEKATECH

Tên công ty viết tắt: MEKATECH COMPANY LIMITED

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702898950

**3. Ngày thành lập:** 04/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

610 Bình Hòa 04, Kp Đông Ba, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0932773917

Fax:

Email: [dvuongcdt@gmail.com](mailto:dvuongcdt@gmail.com)

Website: [codientuviet.com](http://codientuviet.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2592        |
| 2.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2610        |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2640        |
| 4.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2790        |
| 5.  | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2821        |
| 6.  | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2829        |
| 7.  | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3240        |
| 8.  | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3250        |
| 9.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3312        |
| 10. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Ngành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3320(Chính) |
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Xây dựng công trình điện, công trình viễn thông. Xây dựng lưới điện trung thế, trung thế điện 22KW; công nghệ thông tin; ngầm hóa điện dân dụng và công nghiệp | 4299        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện tử - viễn thông-tin học; lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp đến 35KV; lắp đặt hệ thống điện lạnh, tự động hóa, phòng cháy chữa cháy, báo cháy tự động, camera quan sát, chống sét (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                             | 4321        |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4610        |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4652        |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4653        |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4659        |
| 17. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4662        |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4663        |
| 19. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                           | 4741        |
| 20. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6201        |
| 21. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6202        |
| 22. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6209        |
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7730        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **ĐỖ ĐỨC VƯƠNG** Giới tính: **Nam**  
Chức danh: *Giám đốc điều hành*  
Sinh ngày: **19/04/1985** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: **281277003**  
Ngày cấp: **21/09/2016** Nơi cấp: *Bình Dương*  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *610 Bình Hòa 04, Kp Đông Ba, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *610 KP Đông Ba, P. Bình Hòa, TX Thuận An, Bình Dương, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương